

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm
2. Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 79/2019/TB-TA ngày 09/7/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 09/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Đ, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Yu Mu J, sinh năm 1970; Quốc tịch: Hàn Quốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37, thôn S, thị trấn H, huyện H, tỉnh C, Hàn Quốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Ngô Thị T là nguyên đơn trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và về Việt Nam thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang số 62 ngày 14/4/2014. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, nơi chị sinh sống.

Sau khi kết hôn khoảng 01 tuần anh Yu Mu J quay trở về Hàn Quốc sinh sống. Chị ở lại Việt Nam làm thủ tục sang Hàn Quốc sau, nhưng do vướng mắc một số vấn đề cá nhân nên chị không sang Hàn Quốc được. Kể từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để về đoàn tụ nhưng tình cảm không còn nên không về chung sống với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Việt Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Yu Mu J.

-Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Yu Mu J: Ngày 09/7/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã gửi công văn số 36/UTTPDS-TA5 cho Bộ tư pháp để thực hiện ủy thác. Nội dung Văn bản ủy thác tư pháp là ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc: thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 79/2019/TB-TA ngày 09/7/2019 cho anh Yu Mu J. Ngày 29/7/2019 Bộ Tư pháp có công văn số 1965/CH-BTP trả lời Tòa án về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác cho Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc.

Ngày 01/11/2019 Bộ Tư pháp có công văn số 3584 thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh Yu Mu J và kèm theo tài liệu kết quả ủy thác tư pháp. Kết quả như sau: Tòa án gia đình D, Tòa án quận D, Đại Hàn Dân Quốc đã thực hiện ủy thác của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho bị đơn Yu Mu J. Tuy nhiên đến nay anh Yu Mu J vẫn không có văn bản thể hiện quan điểm của mình đối với đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị T cũng như không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để làm việc theo các mốc thời gian mà Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Việt Nam đã ấn định trong Thông báo về việc thụ lý vụ đã được ủy thác.

Tại phiên toà, chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Yu Mu J vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 168, Điều 470, Điều 474, Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội. Xứ: Cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Yu Mu J. Chị Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Yu Mu J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Ngô Thị T và anh Yu Mu J.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Ngô Thị T là nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại: thôn Đ, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Anh Yu Mu J là người nước ngoài, mang quốc tịch Hàn Quốc. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 và điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Yu Mu J có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và về Việt Nam thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang, Việt Nam số 62 ngày 14/4/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn khoảng 01 tuần anh Yu Mu J quay trở về Hàn Quốc sinh sống. Chị ở lại Việt Nam làm thủ tục sang Hàn Quốc sau, nhưng do vướng mắc một số vấn đề cá nhân nên chị không sang Hàn Quốc được. Kể từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để về đoàn tụ nhưng tình cảm không còn nên không về chung sống với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Việt Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Yu Mu J. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị Ngô Thị T. Hội đồng xét xử thấy:

Chị T xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm nên không còn tình cảm vợ chồng với anh Yu Mu J. Anh Yu Mu J đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa hoặc gửi văn bản, ý kiến cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, xác định anh Yu Mu J đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án này. Chị Tiến và anh Yu Mu J đã không chung sống từ khi anh Yu Mu J trở về Hàn Quốc, ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Xứ cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Yu Mu J.

[4]. Về con chung: Không có, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị T là nguyên đơn phải chịu 400.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (lệ phí ủy thác lần 1 và lệ phí ủy thác bản án), theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 400.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 168, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 1 Điều 470, Khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Yu Mu J.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/000360 ngày 04/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị T phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/000361 ngày 04/7/2019 và số tiền

200.000 tại biên lai thu số AA/2018/0000629 ngày 23/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ngô Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ngô Thị T hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Anh Yu Mu J hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Hoàng Thị Thu Hiền

